

Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

PYRIDOL

(Magnesi lactat dihydrat, magnesi pidolat, pyridoxin hydroclorid)

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần

Mỗi 10 ml chứa:

Thành phần hoạt chất:

Magnesi lactat dihydrat.....186 mg

Magnesi pidolat.....936 mg

Pyridoxin hydroclorid.....10 mg

Thành phần tá dược: Natri metabisulfít, sucralose, acid lactic, hương tự nhiên, nước tinh khiết vừa đủ 10ml. (tương đương với 100 mg cation Mg hay 8,24 mEq hay 4,12 mmol)

Dạng bào chế: Dung dịch uống

Mô tả: Dung dịch đồng nhất

pH: 3-6

Quy cách đóng gói

Gói 10 ml. Hộp 20 gói.

Lọ 120 ml.

Chỉ định

Điều trị thiếu magnesi riêng biệt hay kết hợp.

Liều dùng và cách dùng

Uống trực tiếp hoặc hòa 10 ml dung dịch uống trong nửa ly nước.

Người lớn: 30 - 40 ml/ngày (12,4 mmol hoặc 300 mg cation Mg/24 giờ)

Trẻ em và trẻ nhỏ trên 10 kg (khoảng 1 tuổi): 10-30 mg cation Mg/kg/ngày (Tương ứng khoảng 1-3ml/kg/ngày) hoặc 10-40 ml/ngày tùy theo tuổi.

Nên chia liều dùng mỗi ngày ra làm 2 - 3 lần: Sáng, trưa và chiều. Uống thuốc cùng với bữa ăn. Cần ngưng điều trị ngay khi nồng độ magnesi máu trở về bình thường.

**Công thức chứa đường không sinh năng lượng,
sử dụng được cho người tiểu đường**

Chống chỉ định

Quá mẫn với một trong các thành phần của thuốc.

Suy thận nặng với độ thanh thải creatinin dưới 30ml/phút.

Phối hợp với levodopa vì có sự hiện diện của pyridoxin

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Hiếm gặp: Tiêu chảy, đau bụng, phản ứng ngoài da, phản ứng dị ứng. Thuốc có chứa thành phần natri metabisulfít, nguy cơ có phản ứng dị ứng, kể cả phản ứng phản vệ và co thắt phế quản.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Chống chỉ định phối hợp:

Levodopa: Tác dụng của levodopa bị ức chế khi không được dùng đồng thời với một chất kháng men dopadecarboxylase ngoại biên.

Không nên phối hợp:

- Quinidin: tăng lượng quinidin trong huyết tương và nguy cơ quá liều.

- Tránh dùng magnesi kết hợp với các chế phẩm có chứa phosphat hoặc calci là các chất ức chế quá trình hấp thu magnesi tại ruột non.

Cần thận trọng khi phối hợp:

Trường hợp phải điều trị kết hợp với tetracyclin đường uống, thì phải uống hai loại thuốc cách nhau ít nhất 3 giờ.

Quá liều và cách xử trí

Dấu hiệu và triệu chứng:

Thông thường, quá liều magnesi uống không gây ra những phản ứng gây độc trong điều kiện chức năng thận bình thường. Tuy nhiên, trong trường hợp suy thận, quá liều magnesi uống có thể gây độc.

Tác hại gây độc chủ yếu tùy thuộc vào nồng độ magnesi huyết thanh với những dấu hiệu ngộ độc như: tụt huyết áp, buồn nôn, ói mửa, ức chế thần kinh trung ương, giảm phản xạ, bất thường điện tâm đồ, khởi đầu ức chế hô hấp, hôn mê, ngưng tim và liệt hô hấp, vô niệu.

Xử trí:

Điều trị: bù nước, lợi tiểu bắt buộc. Trong trường hợp suy thận, cần lọc máu hay thẩm phân phúc mạc.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Thuốc có chứa sulfít, có thể gây hoặc làm trầm trọng các phản ứng dạng phản vệ.

Trong trường hợp suy thận mức độ vừa, cần thận trọng nhằm phòng ngừa các nguy cơ liên quan đến tăng magnesi máu.

Trong trường hợp thiếu hụt magnesi nghiêm trọng, nên bắt đầu điều trị bằng truyền tĩnh mạch.

Trong trường hợp thiếu canxi đi kèm, thì phải bù magnesi trước khi bù calci.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Phụ nữ có thai:

Chỉ dùng magnesi khi cần thiết.

Phụ nữ cho con bú:

Thành phần magnesi và pyridoxin hydroclorid đơn lẻ được xem là tương thích với thời kỳ cho con bú. Liều pyridoxin hydroclorid được khuyến cáo dùng hằng ngày cho phụ nữ đang cho con bú không được quá 20 mg/ngày.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Thuốc bổ sung vitamin và khoáng chất.

Mã ATC: A11JB.

- Magnesi là một ion dương có nhiều trong nội bào. Magnesi làm giảm tính kích thích của nơron và sự dẫn truyền nơron cơ.

Magnesi tham gia vào nhiều phản ứng men.

- Pyridoxin là một đồng enzym tham gia vào nhiều chu trình chuyển hóa.

Được động học:

Sự hấp thu của ion magnesi ở đường tiêu hóa xảy ra qua một cơ chế thụ động, trong số nhiều cơ chế khác nhau, trong đó độ hòa tan của muối có vai trò quyết định.

Sự hấp thu muối magnesi ở đường tiêu hóa không vượt quá 50%.

Bài tiết chủ yếu trong nước tiểu.

Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở.

Nhà sản xuất



Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín,
thành phố Hà Nội

T6-21-190825-T02492-D00001

Mặt trước

Kích thước: 120x 180 mm

Ghi chú: Đơn chung QC gói 10ml và lọ 120ml

Sửa lại toa theo công bố

Mặt sau

Kích thước: 120x 180 mm